

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ - ST

Ngày 16/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Ước

2. Ông Vũ Sơn Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 06 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện X, tỉnh Hà Giang;

Bị đơn: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NHẬN THẤY:

1. Về quan hệ hôn nhân

Trong đơn khởi kiện ngày 10/6/2020, bản tự khai ngày 15/6/2020 nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn S kết hôn với nhau ngày 09/11/2012 có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Khi mới kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh S có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác, thường xuyên say rượu, không quan

tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến danh dự của nhau, làm ảnh hưởng đến công việc và cuộc sống của nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần, chị H cũng đã tạo cơ hội để anh S sửa chữa sai lầm khuyết điểm của mình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2020 cho đến nay. Vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

2. Về con chung:

Chị H trình bày: Quá trình chung sống chị H và anh S có 1 con chung cháu Hoàng Như Q, sinh ngày 11/03/2013. Cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ nên khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

3. Về phân tài sản, công nợ: Chị H trình bày: Để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia. Vì vậy không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh S nhưng anh S làm nghề lao động tự do, đi làm thuê ở Hà Nội không có mặt ở nhà nên Tòa án đã tổng đạt cho ông Hoàng Mạnh Đ là bố đẻ của anh S, là người có đủ năng lực hành vi dân sự, cùng cư trú với anh S. Ông Đ đều cam kết giao lại tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S. Đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản theo thủ tục tố tụng tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, trụ sở Ủy ban nhân dân xã Y, trụ sở thôn Y, xã Y, nơi cư trú của anh S nhưng từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay anh S không đến Tòa án để trình bày yêu cầu của mình, cũng không có ý kiến bằng văn bản, tài liệu chứng từ gì cung cấp cho Tòa án. Anh S đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 29/7/2020 ông Hoàng Mạnh Đ và bà Hoàng Thị T là bố mẹ đẻ của anh S đều cho biết: Anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã Y và đang chung sống cùng với ông Đ, bà T nhưng hiện nay anh S đang đi làm thuê ở Hà Nội, còn địa chỉ cụ thể ở chỗ nào thì anh S không nói cho ông bà biết. Anh S vẫn thường xuyên liên lạc với ông Đ, bà T qua điện thoại và thỉnh thoảng có về nhà chơi khi được nghỉ làm và gia đình có công việc. Ông Đ đã giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh S theo đúng cam kết nhưng anh S có ý kiến: Do bận công việc phải đi làm và anh S không nhất trí ly hôn với chị H nên anh S không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình về việc chị H có đơn yêu cầu ly hôn. Ngoài ra ông Đ, bà T còn cho biết thêm tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh S hay uống rượu say về nhà thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, không bảo ban nhau được trong công việc lẫn ăn, anh S có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng sống không còn quan tâm đến nhau. Anh S và chị H đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay.

Ủy ban nhân dân xã Y, chi hội phụ nữ thôn Y và Chủ tịch Hội phụ nữ xã Y cho biết trong cuộc sống hàng ngày thấy anh S là người hay uống rượu say về nhà vợ chồng cãi chửi, xúc phạm đến nhau, vợ chồng sống không còn quan tâm đến nhau, thôn, xã đã tiến hành hòa giải để khuyên bảo chị H và anh S quay về nhà cùng chung sống với nhau nhưng không có kết quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình.

Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, giao cháu Hoàng Như Q sinh ngày 11/03/2013 cho chị H nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con và buộc đương sự phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh S và việc nuôi con chung của vợ chồng. Do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và bị đơn anh Hoàng Văn S cư trú tại thôn Y, xã Y, huyện Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh S đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp theo quy định tại

khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng tuy anh S không đến tòa án để trình bày và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho tòa án nhưng chị H, chính quyền địa phương và ông Đ, bà T là bố mẹ đẻ của anh S, là người đang cư trú cùng địa chỉ với anh S cho biết quá trình chung sống chị H và anh S đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh S có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác, thường xuyên say rượu, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến danh dự của nhau, chị H và anh S đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2020 cho đến nay. Chị H khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, sống không còn tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau vì vậy không thể tiếp tục cùng nhau chung sống. Như vậy đã đủ cơ sở để kết luận quá trình chung sống giữa chị H và anh S đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị được ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị H có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy cháu Hoàng Như Q là con gái lại có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh S đi làm thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày, chị H là giáo viên có thu nhập ổn định hàng tháng để đảm bảo được cuộc sống của con. Vì vậy nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn của chị H là để đảm bảo mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Đề nghị được nuôi cháu Q của chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị H không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị H trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia. Chị H yêu cầu Tòa án không giải quyết về phần tài sản công nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6]. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H ly hôn với anh Hoàng Văn S.

* Về con chung: Chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Như Q

sinh ngày 11/03/2013. Anh Hoàng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 03517 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã Y (Nơi đã đăng ký Kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Phương

